

Bản án số: 67/2024/DS-ST

Ngày: 23 – 5 – 2024

V/v *Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lệ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phước

Ông Phạm Hữu Thắng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lý Thành Công – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thúy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2024/TLST-DS, ngày 16 tháng 02 năm 2024, về “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 237/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần S; Địa chỉ: Số 128, đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Võ Anh H, sinh năm 1997; Địa chỉ: Số 47, đường L, Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Văn bản ủy quyền số 289/2023/UQ-SVN ngày 01/10/2023 – có mặt).

- Bị đơn: Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số nhà 817, đường 30/4, Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 01 năm 2024 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Anh H trình bày:

Vào ngày 17/5/2023, bà Lê Thị Đ có đến Chi nhánh của Công ty TNHH S (nay là Công ty cổ phần S) để ký hợp đồng cầm cố tài sản số STM230501014NA22X, số đăng ký giao dịch bảo đảm trên hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục đăng ký quốc gia. Tài sản ký hợp đồng cầm cố là 01 (một)

xe mô tô hai bánh biển số 83P4-462.15, loại xe Yamaha Sirius F1, màu đỏ đen, số khung: RLCUE4120NY007489, số máy: E34CE026390, chứng nhận đăng ký xe mô tô số 013227 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 18/02/2022, số tiền cầm cố là 12.100.000 đồng (mười hai triệu một trăm nghìn đồng), thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ ngày 17/5/2023 – 17/5/2024) với mức lãi suất cố định là 1.1%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn.

Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì Công ty cổ phần S (viết tắt là Công ty) đã giải ngân đầy đủ số tiền trên cho bà Lê Thị Đ. Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty có ký giấy cho bà Lê Thị Đ mượn lại xe để sử dụng. Trong giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe từ ngày 17/5/2023 đến 17/6/2024, địa điểm trả xe là tại Chi nhánh S. Bà Lê Thị Đ có cam kết rõ trong giấy mượn xe “Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận”. Trong quá trình trả nợ, bà Lê Thị Đ chưa thanh toán đúng nghĩa vụ theo Hợp đồng cho Công ty. Đến nay đã quá thời gian quy định, nhưng bà Lê Thị Đ không trả nợ và cũng không trả lại xe máy cho Công ty.

Công ty cổ phần S yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Lê Thị Đ phải thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe đã ký với Công ty cổ phần S - Chi nhánh S với số tiền tạm tính đến ngày 28/12/2023 là 11.725.000 đồng (mười một triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) bao gồm tiền nợ gốc là 8.320.000 đồng, tiền lãi là 640.000 đồng, tiền phí là 2.465.000 đồng, phí theo dõi là 300.000 đồng. Trong trường hợp bà Lê Thị Đ không có khả năng trả nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản để trả nợ cho Công ty. Ngoài ra bà Lê Thị Đ còn phải chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 17/5/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Tại Đơn yêu cầu thay đổi một phần khởi kiện ngày 02/3/2024 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Anh H yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Lê Thị Đ phải thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe đã ký với Công ty cổ phần S - Chi nhánh S với số tiền tính đến ngày 23/5/2024 là 8.970.000 đồng (tám triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng) bao gồm tiền nợ gốc là 8.320.000 đồng, tiền lãi trong hạn kể từ ngày 18/10/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 650.000 đồng và khi bà Lê Thị Đ thanh toán hết nợ gốc, lãi suất cho Công ty thì Công ty sẽ trả lại bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, biển số 83P4-462.15, loại xe Yamaha Sirius F1, màu đỏ đen, số khung: RLCUE4120NY007489, số máy: E34CE026390, chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 013227 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 18/02/2022 cho bà Lê Thị Đ.

* Bị đơn bà Lê Thị Đ vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến.

* Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Bị đơn bà Lê Thị Đ không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu mà nguyên đơn đã trình bày và giao nộp cho Tòa án.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung khởi kiện, nguyên đơn Công ty cổ phần S yêu cầu bà Lê Thị Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả lại tiền còn nợ theo hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe đã ký với Công ty cổ phần S. Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án, bị đơn bà Lê Thị Đ cư trú tại thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân thành phố S thụ lý giải quyết theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Từ khi Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án đến nay, bị đơn bà Lê Thị Đ vắng mặt tại nơi cư trú. Tuy nhiên, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn, nhưng bị đơn thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng cầm cố nêu trên mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú, làm việc mới. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị Quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án, có thể xác định bị đơn cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án vẫn giải quyết theo thủ tục chung, thực hiện các thủ tục niêm yết văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

[3] Tại Đơn yêu cầu thay đổi một phần khởi kiện ngày 02/3/2024 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Anh H yêu cầu bà Lê Thị Đ phải thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe đã ký với Công ty cổ phần S - Chi nhánh S với số tiền tính đến ngày 23/5/2024 là 8.970.000 đồng (tám triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng) bao gồm tiền nợ gốc là 8.320.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 650.000 đồng và không yêu cầu về tính phí và phí theo dõi kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không yêu cầu về xử

lý tài sản cầm cố. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận đối với việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[4] Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S:

[4.1] Tại Hợp đồng cầm cố ngày 17/5/2023 và phụ lục hợp đồng cầm cố ngày 17/5/2023 được ký kết giữa Công ty TNHH S (nay là Công ty cổ phần S) và bà Lê Thị Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức theo quy định tại Điều 309 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia có các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký.

[4.2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Đ phải trả cho Công ty cổ phần S tổng số tiền nợ tính đến ngày 23/5/2024 là 8.970.000 đồng ((tám triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 8.320.000 đồng và lãi suất là 650.000 đồng).

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố S đã thông báo hợp lệ cho bà Lê Thị Đ biết về yêu cầu khởi kiện cũng như các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, bà Lê Thị Đ không trình bày ý kiến phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản mà nguyên đơn đưa ra. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 92 và khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về việc xác định chứng cứ và những tình tiết sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử xác định bà Lê Thị Đ có ký kết Hợp đồng cầm cố số STM230501014NA22X, phụ lục hợp đồng cầm cố và Giấy mượn xe cùng ngày 17/5/2023 với Công ty cổ phần S và được Công ty phê duyệt với số tiền là 12.100.000 đồng (mười hai triệu một trăm nghìn đồng), lãi suất thỏa thuận là 1.1%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn được áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, thời hạn cầm cố là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày 17/5/2023 đến ngày 17/5/2024. Thời hạn thanh toán tiền định kỳ hàng tháng (bao gồm nợ gốc và lãi trong hạn), thời hạn thanh toán lần đầu bắt đầu là ngày 17/6/2023. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Lê Thị Đ đã trả cho Công ty cổ phần S số tiền nợ gốc là 3.780.000 đồng (ba triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng) và đến ngày 18/10/2023 thì không trả nữa. Bà Lê Thị Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng nên việc Công ty cổ phần S yêu cầu bà Lê Thị Đ trả số tiền nợ gốc còn lại là 8.320.000 đồng (tám triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) là có căn cứ, phù hợp với nội dung thỏa thuận về việc trả nợ gốc, lãi suất tại hợp đồng cầm cố đã ký kết và quy định tại Điều 280, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4.3] Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn Công ty cổ phần S, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại Hợp đồng cầm cố số STM230501014NA22X ngày 17/5/2023 được ký kết giữa Công ty cổ phần S và bà Lê Thị Đ, mức lãi suất thỏa

thuận là 1.1%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn được áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Căn cứ vào khoản 6 Điều 29 của Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định “*Tỷ lệ lãi suất cho vay tiền khi nhận cầm cố tài sản không vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự*” và đối chiếu tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác.*” Việc thỏa thuận mức lãi suất, lãi suất quá hạn của nguyên đơn Công ty cổ phần S tại hợp đồng cầm cố phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, nguyên đơn công ty cổ phần S yêu cầu tiền lãi suất trong hạn kê từ ngày 18/10/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 23/5/2024 với số tiền là 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.4] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý trong trường hợp ngay sau khi bà Lê Thị Đ thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền gốc và tiền lãi suất, Công ty cổ phần S sẽ giao trả lại cho bà Lê Thị Đ bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, biển số 83P4-462.15, loại xe Yamaha Sirius F1, màu đỏ đen, số khung: RLCUE4120NY007489, số máy: E34CE026390, chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 013227 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 18/02/2022 cho bà Lê Thị Đ. Hội đồng xét xử ghi nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà Lê Thị Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 448.500 đồng (bốn trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm đồng). Nguyên đơn Công ty cổ phần S không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 309, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S.

Buộc bị đơn bà Lê Thị Đ phải trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần S tổng số tiền còn nợ là 8.970.000 đồng (tám triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 8.320.000 đồng (tám triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng), lãi suất là 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn Công ty cổ phần S cho đến khi thi hành xong khoản tiền bị đơn bà Lê Thị Đ phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty cổ phần S, hàng tháng bị đơn bà Lê Thị Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Ngay sau khi bị đơn bà Lê Thị Đ thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty cổ phần S có trách nhiệm trả lại cho bà Lê Thị Đ bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, biển số xe 83P4-462.15, loại xe Yamaha Sirius F1, màu đỏ đen, số khung: RLCUE4120NY007489, số máy: E34CE026390, chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 013227 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 18/02/2022 cho bà Lê Thị Đ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn Công ty cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Công ty cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001480 ngày 02/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn bà Lê Thị Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 448.500 đồng (bốn trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm đồng).

4. Về quyền kháng cáo bản án: Công ty cổ phần S có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn bà Lê Thị Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố S;
- CC THADS thành phố S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Thị Lệ Hằng